Phụ lục 1

PHÊ DUYỆT TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG	SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC GIAO NĂM 2018					GHI CHÚ
		Tổng số	Chia ra				
			Giáo dục	Y tế	VH, TT& TT	Sự nghiệp khác	
I	**CẤP TỈNH**	**10.907**	**3.504**	**6.302**	**228**	**873**	
1	Sở Nội vụ	**10**				10	
2	Sở Tư pháp	**28**				28	
3	Sở Tài chính	**15**				15	
4	Sở Công Thương	**25**				25	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**432**				432	
6	Sở Giao thông vận tải	**14**				14	
7	Sở Xây dựng	**33**				33	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	**90**				90	
9	Sở Lao động - Thương binh và XH	**197**	129			68	
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	**297**	69		228		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	**0**					
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	**12**				12	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	**3.195**	3.195				
14	Sở Y tế	**6.302**		6.302			
	- Y tế tuyến tỉnh	*2.983*		*2.983*			
	- Y tế tuyến huyện	*1.954*		*1.954*			
	- Y tế tuyến xã	*1.365*		*1.365*			
15	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	**12**				12	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	**22**				22	
17	Vườn Quốc gia Tràm Chim	**35**				35	
18	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Du lịch và Đầu tư	**32**				32	
19	Trường Cao đẳng cộng đồng	**0**					
20	Trường Cao đẳng nghề	**111**	111				
21	Trường Cao đẳng Y tế	**0**					
22	Ban Quản lý Khu Kinh tế Đồng Tháp	**15**				15	
23	Trung tâm Phát triển du lịch	**20**				20	
24	Văn phòng Ban an toàn giao thông	**10**				10	
II	**CẤP HUYỆN**	**19.737**	**19.372**		**259**	**106**	
1	**Huyện Tân Hồng**	**1.478**	**1.450**		**22**	**6**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.450	1.450				
	Sự nghiệp VHTT&TT	22			22		
	Sự nghiệp khác	6				6	
2	**Huyện Hồng Ngự**	**1.610**	**1.580**		**23**	**7**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.580	1.580				
	Sự nghiệp VHTT&TT	23			23		
	Sự nghiệp khác	7				7	
3	**Huyện Tam Nông**	**1.402**	**1.375**		**20**	**7**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.375	1.375				
	Sự nghiệp VHTT&TT	20			20		
	Sự nghiệp khác	7				7	

Số TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG	SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC GIAO NĂM 2018					GHI CHÚ
		Tổng số	Chia ra				
			Giáo dục	Y tế	VH, TT&TT	Sự nghiệp khác	
4	**Huyện Thanh Bình**	**1.830**	**1.806**		**21**	**3**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.806	1.806				
	Sự nghiệp VHTT&TT	21			21		
	Sự nghiệp khác	3				3	
5	**Huyện Tháp Mười**	**2.075**	**2.052**		**20**	**3**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2.052	2.052				
	Sự nghiệp VHTT&TT	20			20		
	Sự nghiệp khác	3				3	
6	**Huyện Cao Lãnh**	**2.382**	**2.327**		**20**	**35**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2.327	2.327				
	Sự nghiệp VHTT&TT	20			20		
	Sự nghiệp khác	35				35	
7	**Huyện Lấp Vò**	**1.916**	**1.883**		**24**	**9**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.883	1.883				
	Sự nghiệp VHTT&TT	24			24		
	Sự nghiệp khác	9				9	
8	**Huyện Lai Vung**	**1.722**	**1.690**		**23**	**9**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.690	1.690				
	Sự nghiệp VHTT&TT	23			23		
	Sự nghiệp khác	9				9	
9	**Huyện Châu Thành**	**1.557**	**1.532**		**20**	**5**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.532	1.532				
	Sự nghiệp VHTT&TT	20			20		
	Sự nghiệp khác	5				5	
10	**Thành phố Sa Đéc**	**1.063**	**1.036**		**20**	**7**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.036	1.036				
	Sự nghiệp VHTT&TT	20			20		
	Sự nghiệp khác	7				7	
11	**Thành phố Cao Lãnh**	**1.768**	**1.741**		**20**	**7**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.741	1.741				
	Sự nghiệp VHTT&TT	20			20		
	Sự nghiệp khác	7				7	
12	**Thị xã Hồng Ngự**	**934**	**900**		**26**	**8**	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	900	900				
	Sự nghiệp VHTT&TT	26			26		
	Sự nghiệp khác	8				8	
III	**BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG**	**31**					
Tổng cộng:		**30.675**	**22.876**	**6.302**	**487**	**979**	